

Language Style Guide (Vietnamese)

Hướng Dẫn Phong Cách Ngôn Ngữ

Introduction

Access to timely and relevant information is important to everyone, especially during emergencies. Effective alerts and warnings are those that result in members of the public taking recommended actions to protect themselves. To ensure that messages are effective when delivered to the whole community, it is critical to include multiple languages and formats. This information needs to be understood, consumable, and actionable by all Californians, including the estimated 7 million for whom English is not their primary language.

To address this issue, the California Governor's Office of Emergency Services (Cal OES) has created this Language Style Guide to assist alerting authorities. The Guide is a key resource in the issuance of multilingual emergency notifications in a manner reflective of the key linguistic features of the source emergency notifications templates. This style guide is intended to be used in conjunction with the Wireless Emergency Alert Library of translated Emergency Notification Language Templates available on the CalAlert.org website.

Nothing in this guide is intended to conflict with, or supersede, any existing arrangement for dissemination of public alerts and warnings by local, state, or federal agencies.

Giới Thiệu

Biết thông tin liên quan kịp thời là điều quan trọng đối với tất cả mọi người, đặc biệt là trong hoàn cảnh khẩn cấp. Cảnh giác và cảnh cáo hiệu quả giúp người dân làm những việc được khuyến cáo để bảo vệ chính họ. Để chắc chắn thông tin được chuyển đến toàn bộ cộng đồng theo cách hiệu quả thì điều quan trọng là thông tin phải ở nhiều ngôn ngữ và dạng. Tất cả người dân California cần hiểu rõ, sử dụng và thực hiện thông tin này, gồm cả khoảng 7 triệu người mà tiếng Anh không phải ngôn ngữ chính của họ.

Để giải quyết vấn đề này, Văn Phòng Dịch Vụ Khẩn Cấp của Thống Đốc California (California Governor's Office of Emergency Services, hay Cal OES) đã soạn ra Hướng Dẫn Ngôn Ngữ này để hỗ trợ các cơ quan có thẩm quyền cảnh giác công chúng. Hướng dẫn là tài nguyên quan trọng để ban hành nhiều thông báo khẩn cấp ở nhiều ngôn ngữ theo cách phản ánh các đặc điểm ngôn ngữ chính của các mẫu thông báo khẩn cấp. Hướng dẫn phong cách này dự kiến sẽ được sử dụng cùng với Thư Viện Cảnh Giác Khẩn Cấp Không Dây, gồm các mẫu ngôn ngữ thông báo khẩn cấp đã được dịch sẵn trên mạng lưới CalAlert.org.

Không có nội dung nào trong hướng dẫn này mâu thuẫn hoặc thay thế bất kỳ thỏa thuận hiện có nào về phổ biến các cảnh giác và cảnh cáo công cộng của các cơ quan địa phương, tiểu bang hoặc liên bang.

Background

Emergency notifications must be accessible to, and understandable by, diverse populations to effectively relay information regarding threats or hazards. Messaging should be clear, consistent, and linguistically appropriate.

The state of California is comprised of many diverse communities, some of which include individuals with Limited English Proficiency. Identifying the most commonly used languages and having a process in place to translate warning messages, will ensure the greatest number of individuals understand the warnings being sent. It is important, however, to not let the inability to translate a message delay notification when time is of the essence and lives are at risk.

California Code of Regulations §8594.16 specifies that emergency notifications issued to the public shall be translated into two of the most commonly spoken languages other than English in any impacted county or counties.

Written correspondence is typically more formal than verbal communication. Therefore, certain considerations are called for when communicating in languages other than English. For example, when utilizing translation services, it is preferable to contract with local translators. There are multiple world language interpreting and translation service providers.

Jurisdictions should identify a world language service providers and establish contracts for services prior to any disaster to ensure timely and effective communication during events. Language service contracts should be available 24/7 to bridge any communication gaps quickly, efficiently, and in an attentive manner during steady state and in times of crisis.

Jurisdictions should be aware that written English and target languages present differently due to certain basic concepts for writing. Examples include:

- Use of capital letters in headlines,
- Use of capital letters in general (languages have different grammar rules),
- Some punctuation marks that have different usages (colon, dash, etc.),
- References to seasonal conditions in the source (for example, "Last summer, the agency..." considering "summer" resonates to a different time of the year for certain cultures.)
- Names of agencies, including acronyms, should remain untranslated and include a description of the service provided, as needed.
- In some cases, there is no equivalent term. In this case, provide the original name and an appropriate equivalent in parenthesis.

Tổng Quát

Thông báo khẩn cấp phải dễ xem và dễ hiểu đối với nhiều nhóm dân cư khác nhau để chuyển thông tin hiệu quả về các mối đe dọa hoặc hiểm họa. Thông tin phải rõ ràng, nhất quán và phù hợp về ngôn ngữ.

Tiểu bang California có nhiều cộng đồng đa dạng, một số trong đó là những người không thông thạo Anh ngữ. Biết các ngôn ngữ được sử dụng phổ biến nhất và có sẵn tiến trình dịch các thông báo cảnh giác này thì sẽ có nhiều người nhất hiểu được các cảnh giác gửi đi. Tuy nhiên, điều quan trọng là đừng để việc không thể dịch được tin nhắn làm trì hoãn thông báo vì thời gian là điều cốt yếu và tính mạng đang bị nguy cơ.

Bộ Luật Các Quy Định California §8594.16 quy định các thông báo khẩn cấp cho công chúng sẽ được dịch sang hai ngôn ngữ sử dụng phổ biến nhất ngoài tiếng Anh ở bất kỳ quận nào bị ảnh hưởng.

Thu từ bằng văn bản thường trang trọng hơn giao tiếp bằng lời. Vì vậy, cần phải cân nhắc một số điều khi giao tiếp bằng các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh. Ví dụ, khi sử dụng dịch vụ phiên dịch, tốt hơn nên ký hợp đồng với người phiên dịch địa phương. Có nhiều người cung cấp dịch vụ thông ngôn và phiên dịch trên toàn cầu.

Các khu vực pháp quyền nên tìm người cung cấp dịch vụ ngôn ngữ trên thế giới và ký kết hợp đồng dịch vụ trước khi xảy ra bất kỳ thảm họa nào để thông tin kịp thời và hiệu quả trong các hoạt động. Hợp đồng dịch vụ ngôn ngữ phải sẵn sàng 24/7 để thu hẹp mọi khoảng cách thông tin theo cách nhanh chóng, hiệu quả và chu đáo trong cả tình trạng ổn định và thời kỳ khủng hoảng.

Các khu vực pháp quyền cần lưu ý văn bản tiếng Anh và ngôn ngữ đích có thể trình bày khác nhau do một số khác biệt căn bản về văn bản. Các thí dụ bao gồm:

- Dùng chữ in hoa trong tiêu đề,
- Dùng chữ in hoa nói chung (các ngôn ngữ có quy tắc ngữ pháp khác nhau),
- Một số dấu câu có cách dùng khác nhau (dấu hai chấm, dấu gạch ngang, v.v...),
- Tham khảo điều kiện theo mùa trong ngôn ngữ nguồn (ví dụ: "Mùa hè năm ngoái, cơ quan..." xem "mùa hè" gọi lên một thời điểm khác trong năm đối với một số nền văn hóa.)
- Tên của các cơ quan, kể cả các từ viết tắt, không nên dịch và bao gồm phần mô tả về dịch vụ được cung cấp, nếu cần.
- Trong một số trường hợp, không có thuật ngữ tương đương. Trong trường hợp này, để tên gốc và tên tương đương phù hợp trong ngoặc đơn.

General Rules

Jurisdictions are encouraged to establish a message library with sample messages that have been translated into the languages most commonly used in the communities that they serve. Pre-planned messages can save time in a disaster and ensure accurate translations exist for messages that are critical for the community.

For this determination of translated emergency notifications and prescript templates, the following apply:

- Do not translate names of agencies, programs, or proper names
- Do not translate locations, streets, cities, counties, etc.
- Do not translate signage, or acronyms
- Do not translate names of cooling/warming centers, evacuation shelters, distribution or dispensary locations, or names
- Do not translate web addresses, email addresses, or hyperlinks

- Avoid slang, jargon, or metaphors

Applying concepts found in this Language Style Guidelines will help to enable all Californians to have lifesaving information in a language or format that is accessible and understandable to them.

Các Quy Tắc Chung

Các khu vực pháp quyền nên lập ra thư viện có nhiều thông báo mẫu đã dịch sang các ngôn ngữ được sử dụng phổ biến nhất trong cộng đồng họ phụng sự. Các thông báo được lập ra trước có thể tiết kiệm thời gian trong thảm họa và bảo đảm bản dịch chính xác cho các thông báo quan trọng cho cộng đồng.

Áp dụng những điều sau đây khi quyết định dịch các thông báo khẩn cấp và mẫu quy định này:

- Không dịch tên cơ quan, chương trình hoặc tên riêng
- Không dịch địa điểm, đường phố, thành phố, quận, v.v...
- Không dịch biển báo hoặc từ viết tắt
- Không dịch tên của các trung tâm làm mát/làm ấm, nơi ở tạm khi di tản, địa điểm hoặc tên nơi phân phối hoặc phân phát
- Không dịch địa chỉ mạng lưới, địa chỉ điện thư (email) hoặc đường nối (hyperlinks) Glossary of Trách dùng tiếng lóng, biệt ngữ hay ẩn dụ

Áp dụng các khái niệm trong Hướng Dẫn Phong Cách Ngôn Ngữ này sẽ giúp tất cả người dân California được thông tin cứu sinh bằng ngôn ngữ hoặc dạng mà họ có thể xem và hiểu được.

Standards Emergency Notification Terms and Abbreviations (English) Bảng Chú Giải Các Thuật Ngữ và Từ Viết Tắt Tiêu Chuẩn về Thông Báo Khẩn Cấp (Tiếng Việt)

Access and Functional Needs (AFN): As defined in Government Code section 8593.3, access and functional needs refers to individuals who have developmental, intellectual, or physical disabilities; chronic conditions or injuries; limited English proficiency or non-English speaking; Or, individuals who are older adults, children, or pregnant; living in institutional settings; low- income, homeless, and/or transportation disadvantaged; or from diverse cultures.

Access and Functional Needs (AFN, Nhu cầu tiếp nhận và hoạt động): Như được định nghĩa trong Bộ Luật Chánh Phủ đoạn 8593.3, nhu cầu tiếp nhận và hoạt động nói đến những người bị khuyết tật về phát triển, trí tuệ hoặc thể chất; bệnh trạng mãn tính hoặc thương tích; không thông thạo Anh ngữ hoặc không nói tiếng Anh; hoặc những người là lão niên, trẻ em hoặc phụ nữ mang thai; sống ở nơi cứu tế; có lợi tức thấp, vô gia cư và/hoặc khó khăn đi lại; hoặc từ nền văn hóa đa dạng.

Advisory: Highlights special conditions that are less serious than a warning, shelter in place, or evacuation. They are for events that may cause significant inconvenience, and if caution is not exercised, it could lead to situations that may threaten life and/or property.

Advisory (Khuyến cáo): Nêu bật các tình trạng đặc biệt ít nghiêm trọng hơn cảnh cáo, trú ẩn tại chỗ hoặc di tản. Cảnh cáo dành cho những điều kiện có thể gây ra bất tiện đáng kể và nếu không thận trọng, có thể

dẫn đến những hoàn cảnh đe dọa tánh mạng và/hoặc tài sản.

Agency Representative: A person assigned by a primary, assisting, or cooperating federal, state, territorial, tribal, or local government agency or private entity that has been delegated authority to make decisions affecting that agencies or organization's participation in incident management activities following appropriate consultation with the leadership of that agency.

Agency Representative (Người đại diện của cơ quan): Người được cơ quan chính quyền liên bang, tiểu bang, lãnh thổ, bộ lạc hoặc địa phương chính yếu, hỗ trợ hoặc hợp tác hay tổ chức tư nhân chỉ định, được ủy quyền lấy các quyết định ảnh hưởng đến sự tham gia của cơ quan hoặc tổ chức này vào các hoạt động quản lý vụ việc sau khi hỏi ý kiến phù hợp với lãnh đạo của cơ quan đó.

Agency: A division of government with a specific function offering a particular kind of assistance. In the Incident Command System (ICS), agencies are defined either as jurisdictional (having statutory responsibility for incident management) or as assisting or cooperating (providing resources or other assistance).

Agency (Cơ quan): Một phân ban của chính phủ có chức năng cụ thể, cho hỗ trợ cụ thể. Trong Hệ Thống Chỉ Huy Vãn Nạn (Incident Command System, hay ICS), các cơ quan có thẩm quyền (có trách nhiệm theo luật định để quản lý sự cố) hoặc hỗ trợ hoặc hợp tác (cung cấp tài nguyên hoặc hỗ trợ khác).

Alert: A communication intended to attract attention and warn of a danger or threat.

Alert (Cảnh giác): Thông tin để thu hút sự chú ý và cảnh cáo về mối nguy hoặc đe dọa.

Alerting Authority: Public officials that are granted the authority to alert the public of emergency situations through Federal, State, and local laws. These are designated in a local Federal Communication Commission (FCC) Emergency Alert System (EAS) plan, and within a signed Federal Emergency Management Agency (FEMA) Memorandum of Understanding (MOU).

Alerting Authority (Thẩm quyền cảnh giác): Các viên chức công cộng có thẩm quyền cảnh giác công chúng về các tình trạng khẩn cấp theo luật liên bang, tiểu bang và địa phương. Những người này được bổ nhiệm trong chương trình cấp địa phương của Ủy Ban Truyền Thông Liên Bang (Communication Commission, hay FCC), Hệ Thống Cảnh Giác Khẩn Cấp (Emergency Alert System, hay EAS), và trong Biên Bản Ghi Nhớ (Memorandum of Understanding, hay MOU) của Cơ Quan Quản Lý Khẩn Cấp (Emergency Management Agency, hay FEMA).

Alerting Originator: Alerting Originators are designated individuals who have been designated the authority and have the training to draft and distribute the alert and warning message through the approved notification systems.

Alerting Originator (Người cảnh giác): Người đưa ra cảnh giác là những người được chỉ định có thẩm quyền và được huấn luyện để soạn thảo và phân phối thông báo cảnh giác và cảnh cáo qua các hệ thống thông báo đã được phê duyệt.

Alert Origination Tool: Alert origination tools are software products used by emergency managers, public safety officials, and other alerting authorities to create and send critical lifesaving messages to the public or to other emergency management officials for collaboration.

Alert Origination Tool (Công cụ truyền phát cảnh giác): Công cụ truyền phát cảnh giác là sản phẩm

nhu liệu được người quản lý khẩn cấp, viên chức an toàn công cộng và các cơ quan cảnh giác khác sử dụng để lập và gửi các thông điệp cứu sinh quan trọng tới công chúng hoặc tới các viên chức quản lý khẩn cấp khác để hợp tác.

AMBER Alert: The **AMBER Alert Program** is a voluntary partnership between law-enforcement agencies, broadcasters, transportation agencies, and the wireless industry, to activate an urgent bulletin in the most serious child-abduction cases. AMBER alerts are one of the three categories of Wireless Emergency Alerts (WEA).

AMBER Alert (Cảnh giác AMBER): Chương Trình Cảnh Giác AMBER là hợp tác tự nguyện giữa các cơ quan công lực, đài truyền hình, cơ quan chuyên chở và ngành dịch vụ không dây để bắt đầu phát bản tin khẩn cấp về các vụ bắt cóc trẻ em nghiêm trọng nhất. Cảnh giác AMBER là một trong ba loại Cảnh Giác Khẩn Cấp Không Dây (Wireless Emergency Alerts, hay (WEA).

American Red Cross: The American Red Cross, a humanitarian organization led by volunteers and guided by its Congressional Charter and the Fundamental Principles of the International Red Cross Movement, will provide relief to victims of disaster and help people prevent, prepare for, and respond to emergencies.

American Red Cross (Hội Hồng Thập Tự Mỹ): Hội Hồng Thập Tự Mỹ, một tổ chức nhân đạo do những người tự nguyện lãnh đạo và được Hiến Chương Quốc Hội và các Nguyên Tắc Cơ Bản của Phong Trào Hồng Thập Tự Quốc Tế chỉ dẫn, sẽ cứu tế các nạn nhân thảm họa và giúp mọi người ngăn ngừa, chuẩn bị và ứng phó với hoàn cảnh khẩn cấp.

Authority: The power or right to give orders and/or to make decisions. Authority may be delegated from one entity to another.

Authority (Thẩm quyền): Quyền hoặc quyền hạn ban hành lệnh và/hoặc lấy quyết định. Thẩm quyền có thể được một tổ chức này ủy quyền cho tổ chức khác.

Civil Danger Warning (CDW): A warning of an event that presents a danger to a significant civilian population. The CDW, which usually warns of a specific hazard and gives specific protective action, has a higher priority than the Local Area Emergency (LAE) (e.g. contaminated water supply, terrorist attack). Public protective actions could include evacuation, shelter in place, or other actions (such as boiling contaminated water or seeking medical treatment).

Civil Danger Warning (CDW, Cảnh Cáo Nguy Hiểm Dân Sự): Cảnh cáo một vụ việc có thể nguy hiểm cho một số lớn dân chúng. CDW thường cảnh cáo về một mối nguy cụ thể và khuyến cáo hành động bảo vệ cụ thể, được mức ưu tiên cao hơn Khẩn Cấp Khu Vực Địa Phương (Local Area Emergency, hay LAE) (ví dụ nguồn cung cấp nước bị ô nhiễm, tấn công khủng bố). Các hành động bảo vệ công cộng có thể bao gồm di tản, trú ẩn tại chỗ hoặc các hành động khác (như đun sôi nước bị ô nhiễm hoặc tìm cách chữa trị y tế).

Civil Emergency Message (CEM): An emergency message regarding an in-progress or imminent significant threat(s) to public safety and/or property. The CEM is a higher priority message than the Local Area Emergency (LAE), but the hazard is less specific than the Civil Danger Warning (CDW).

Civil Emergency Message (CEM, Thông Báo khẩn cấp dân sự): Thông báo khẩn cấp liên quan đến (các) mối đe dọa đáng kể đang xảy ra hoặc sắp xảy ra đối với an toàn và/hoặc tài sản công cộng. CEM là thông báo được ưu tiên cao hơn thông báo Khẩn Cấp Khu Vực Địa Phương (LAE), nhưng mức nguy hại ít cụ thể hơn Cảnh Cáo Nguy Hiểm Dân Sự (CDW).

Common Terminology: Normally used words and phrases—avoiding the use of different words/phrases for same concepts—to ensure consistency and to allow diverse incident management and support organizations to work together across a wide variety of incident management functions and hazard scenarios.

Common Terminology (Thuật ngữ thông dụng): Các từ và cụm từ thường được sử dụng—tránh sử dụng các từ/cụm từ khác nhau cho cùng một khái niệm—để bảo đảm thống nhất và cho các tổ chức hỗ trợ và quản lý vãn nạn khác nhau có thể cùng hợp tác thực hiện các chức năng quản lý vãn nạn và các hoàn cảnh nguy hiểm.

Communications/Dispatch Center: Agency or interagency dispatch centers, 911 call centers, emergency control or command dispatch centers, or any naming convention given to the facility and staff that handles emergency calls from the public and communication with emergency management/response personnel.

Communications/Dispatch Center (Trung tâm điều vận/Truyền thông): Cơ quan hoặc các trung tâm điều vận liên cơ quan, trung tâm liên lạc qua điện thoại 911, trung tâm điều vận theo lệnh hoặc kiểm soát tình trạng khẩn cấp hoặc bất kỳ tên gọi nào cho cơ sở và nhân viên nhận các cú gọi khẩn cấp từ công chúng và liên lạc với nhân viên quản lý/ứng phó khẩn cấp.

Complex Fire: Two or more individual incidents located in the same general area which are assigned to a single incident commander or unified command.

Complex Fire (Hỏa hoạn phức tạp): Hai hoặc nhiều vụ hỏa hoạn riêng lẻ trong cùng một khu vực chung, được giao cho một người chỉ huy vụ việc hoặc người chỉ huy thống nhất.

Cooling Center(s): Facilities that are made available by public, private, and volunteer organizations as a heat relief station. There is no agreement that these facilities will be exempt from power outages.

Cooling Center(s)((Các)Trung tâm làm mát): Các cơ sở cung cấp bởi các tổ chức công cộng, tư nhân và người tự nguyện để làm mát. Chưa có thỏa thuận các cơ sở này sẽ không bị cúp điện.

Disaster: The occurrence or imminent threat of widespread or severe damage, injury, or loss of life or property, or significant adverse impact on the environment, resulting from any natural or technological hazards, or a terrorist act, including but not limited to fire, flood, earthquake, wind, storm, hazardous substance incident, water contamination requiring emergency action to avert danger or damage, epidemic, air contamination, blight, drought, infestation, explosion, civil disturbance, or hostile military or paramilitary action.

Diaster (Thảm họa): Việc xảy ra hoặc có nguy cơ sắp xảy ra thiệt hại, thương tích hay tổn thất tánh mạng hay tài sản nghiêm trọng hoặc trên diện rộng, hoặc ảnh hưởng bất lợi lớn đến môi trường do bất kỳ hiểm họa tự nhiên hoặc kỹ thuật nào hoặc hành động khủng bố, bao gồm nhưng không giới hạn hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, gió, bão, vãn nạn liên quan đến chất nguy hại, ô nhiễm nước cần hành động khẩn cấp để ngăn chặn nguy hiểm hoặc thiệt hại, dịch bệnh, ô nhiễm không khí, tai họa, khô hạn, xâm nhiễm, nổ, bạo động dân sự hoặc hành động quân sự, bán quân sự mang tính thù địch.

Emergency: A suddenly occurring and often unforeseen situation which is determined by the Governor to require state response or mitigation actions to immediately supplement local government in protecting lives and property, to provide for public health and safety, or to avert or lessen the threat of a disaster. Local government's adaptation of this definition connotes an event that threatens or actually does inflict damage to people or

property, exceeds the daily routine type of response, and still can be dealt with using local internal and mutual aid resources.

Emergency (Khẩn cấp): Tình trạng xảy ra đột ngột và thường không biết trước, được Thống Đốc quyết định cần có các hành động ứng phó hoặc giảm nhẹ của tiểu bang để hỗ trợ ngay cho chính quyền địa phương bảo vệ tánh mạng và tài sản, sự an toàn và sức khỏe công cộng hoặc ngăn ngừa hay giảm nhẹ nguy cơ xảy ra thảm họa. Chính quyền địa phương áp dụng khái niệm này có nghĩa đây là một vấn nạn có nguy cơ hoặc thực sự thiệt hại cho người hoặc tài sản, vượt quá loại ứng cứu thông thường hàng ngày và vẫn có thể được giải quyết bằng cách sử dụng các tài nguyên hỗ trợ lẫn nhau và nội bộ của địa phương.

Emergency Assistance: Assistance which may be made available under an emergency declaration. In general, Federal support to State and local efforts to save lives, protect property and public health and safety, and lessen or avert the threat of a catastrophe.

Emergency Assistance (Trợ giúp khẩn cấp): Trợ giúp có sẵn khi có tuyên bố tình trạng khẩn cấp. Nhìn chung, hỗ trợ của liên bang đối với các nỗ lực của tiểu bang và địa phương để cứu mạng sống, bảo vệ tài sản, sức khỏe và sự an toàn của công chúng, đồng thời giảm nhẹ hoặc ngăn chặn nguy cơ xảy ra thảm họa.

Emergency Operations Center (EOC): The physical location at which the coordination of information and resources to support incident management (on-scene operations) activities normally takes place. An EOC may be a temporary facility or may be located in a more central or permanently established facility, perhaps at a higher level of organization within a jurisdiction. EOCs may be organized by major functional disciplines (e.g., fire, law enforcement, medical services), by jurisdiction (e.g., Federal, State, regional, tribal, city, county), or some combination thereof.

Emergency Operations Center (Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp): Nơi thường điều phối thông tin và tài nguyên để hỗ trợ ứng phó vấn đề (ứng cứu tại hiện trường). EOC có thể là cơ sở tạm thời hoặc đặt tại một cơ sở trung tâm hơn hoặc lâu dài hơn, có thể ở cấp tổ chức cao hơn trong phạm vi khu vực pháp quyền. EOC có thể được tổ chức theo các lãnh vực chức năng chánh (như cứu hỏa, công lực, dịch vụ y tế), theo khu vực pháp quyền (như liên bang, tiểu bang, khu vực, bộ lạc, thành phố, quận) hoặc kết hợp một số chức năng này.

Exercise: An exercise is an instrument to train for, assess, practice, and improve performance in prevention, protection, mitigation, response, and recovery capabilities in a risk-free environment. Exercises can be used for testing and validating policies, plans, procedures, training, equipment, and interagency agreements; clarifying and training personnel in roles and responsibilities; improving interagency coordination and communications; improving individual performance; identifying gaps in resources; and identifying opportunities for improvement.

Exercise (Diễn tập): Diễn tập là một công cụ để huấn luyện, đánh giá, thực hành và cải tiến hiệu quả trong khả năng phòng ngừa, bảo vệ, giảm nhẹ, ứng phó và phục hồi trong một môi trường không có rủi ro. Có thể diễn tập để kiểm tra và xác nhận các chánh sách, chương trình, thể thức, huấn luyện, thiết bị và thỏa thuận liên cơ quan; làm rõ và huấn luyện nhân viên về vai trò, trách nhiệm; cải tiến phối hợp và liên lạc giữa nhiều cơ quan; nâng cao hiệu quả làm việc cá nhân; tìm ra các thiếu hụt về tài nguyên; và biết rõ cơ hội để cải tiến.

Evacuation – The action of evacuating a person or a place.

Evacuation (Di tản) – Di tản một người hoặc một địa điểm.

Freeze: A freeze is when the surface air temperature is expected to be 32°F or below over a widespread area for a climatologically significant period of time.

Freeze (Đóng băng): Đóng băng là khi nhiệt độ không khí bề mặt dự kiến là 32°F hoặc thấp hơn trên một khu vực rộng lớn trong một khoảng thời gian dài về mặt khí hậu.

First Responders: Refers to individuals who in the early stages of an incident are responsible for the protection and preservation of life, property, evidence, and the environment, including emergency response providers as defined in Section 2 of the Homeland Security Act of 2002 (6 U.S.C. 101). It includes emergency management, public health, clinical care, public works, and other skilled support personnel (e.g., equipment operators) who provide immediate support services during prevention, response, and recovery operations.

First responders (Người ứng cứu đầu tiên): Nói đến những người trong giai đoạn đầu khi xảy ra vấn đề, có trách nhiệm bảo vệ và giữ tánh mạng, tài sản, bằng chứng và môi trường, bao gồm cả những người ứng phó khẩn cấp như định nghĩa trong Đoạn 2 của Đạo Luật An Ninh Nội Địa năm 2002 (6 U.S.C. 101). Những người này bao gồm cả nhân viên quản lý khẩn cấp, sức khỏe công cộng, chăm sóc y tế, công việc công cộng và nhân viên hỗ trợ chuyên môn khác (như người điều khiển thiết bị), cung cấp dịch vụ hỗ trợ ngay trong các hoạt động phòng ngừa, ứng phó và phục hồi.

Flood: An overflowing of a large amount of water beyond its normal confines, especially over what is normally dry land.

Flood (Lũ lụt): Lượng lớn nước tràn, vượt quá giới hạn bình thường, đặc biệt là trên vùng đất thường khô ráo.

Hazard: Something that is potentially dangerous or harmful, often the root cause of an unwanted outcome.

Hazard (Hiểm họa): Những điều có thể nguy hiểm hoặc có hại, thường là căn nguyên của kết quả không mong muốn.

Hazard Probability: The estimated likelihood that a hazard will occur in a particular area.

Hazard Risk: A quantitative product of the probability of a hazard occurring and the projected consequence of the impact.

Hazard Probability (Xác suất hiểm họa): Khả năng dự tính hiểm họa sẽ xảy ra ở một khu vực cụ thể.

Hurricane: A storm with a violent wind; a wind of force 12 on the Beaufort scale (equal to or exceeding 64 knots or 74 miles per hour)

Hurricane (Bão): Con bão có gió dữ dội; sức gió cấp 12 theo thang Beaufort (sức gió bằng hoặc vượt 64 hải lý hoặc 74 dặm một giờ)

Imminent Threat Alert: "Imminent Threat" is one of the three categories of Wireless Emergency Alerts. Imminent Threat alerts must meet specific criteria for urgency, severity and certainty.

Imminent Threat Alert (Cảnh giác nguy cơ tức thời): "Nguy Cơ Tức Thời" là một trong ba loại Cảnh Giác Khẩn Cấp Không Dây (Wireless Emergency Alerts). Cảnh giác nguy cơ tức thời phải đáp ứng các tiêu chí cụ thể về tính khẩn cấp, mức nghiêm trọng và mức chắc chắn.

Incident Command System (ICS): A standardized on-scene emergency management construct specifically designed to provide for the adoption of an integrated organizational structure that reflects the complexity and demands of single or multiple incidents, without being hindered by jurisdictional boundaries. ICS is the combination of facilities, equipment, personnel, procedures, and communications operating within a common organizational structure, designed to aid in the management of resources during incidents. It is used for all kinds of emergencies and is applicable to small as well as large and complex incidents. ICS is used by various jurisdictions and functional agencies, both public and private, to organize field-level incident management operations.

Incident Command System (ICS, Hệ thống chỉ huy vãn nạn): Cơ cấu quản lý khẩn cấp tại hiện trường theo tiêu chuẩn quy định việc áp dụng cơ cấu tổ chức kết hợp, cho thấy độ phức tạp và nhu cầu của một hoặc nhiều vấn đề mà không bị cản trở bởi ranh giới của khu vực pháp quyền. ICS là kết hợp của các cơ sở, thiết bị, nhân sự, thể thức và thông tin liên lạc, hoạt động trong một cơ cấu tổ chức chung, được thiết kế để hỗ trợ quản lý tài nguyên trong thời gian xảy ra vụ việc. Hệ thống này sử dụng cho tất cả các loại trường hợp khẩn cấp và có thể áp dụng cho các vụ việc lớn, nhỏ cũng như phức tạp. Nhiều khu vực pháp quyền và cơ quan chức năng khác nhau, cả công cộng và tư nhân sử dụng ICS để tổ chức các hoạt động quản lý vụ việc ở hiện trường.

Integrated Public Alert and Warning System (IPAWS): In the event of a national emergency, the President will be able to use IPAWS to send a message to the American people quickly and simultaneously through multiple communications pathways. IPAWS is available to United States Federal, State, local, territorial and tribal government officials as a way to alert the public via the Emergency Alert System, Wireless Emergency Alerts (WEA), NOAA Weather Radio and other National Weather Service dissemination channels, the internet, existing unique warning systems, and emerging distribution technologies.

Integrated Public Alert and Warning System (IPAWS, Hệ thống cảnh giác và cảnh cáo công cộng kết hợp): Trong trường hợp xảy ra tình trạng khẩn cấp quốc gia, tổng thống có thể sử dụng IPAWS để gửi thông báo đến người dân Mỹ theo cách nhanh chóng và đồng thời qua nhiều kênh truyền thông khác nhau. IPAWS dành cho các viên chức chính phủ liên bang, tiểu bang, địa phương, lãnh thổ và bộ lạc ở Hoa Kỳ, là cách cảnh giác công chúng qua Hệ Thống Cảnh Giác Khẩn Cấp (Emergency Alert System), Cảnh Giác Khẩn Cấp Không Dây (Wireless Emergency Alerts, hay WEA), Đài Radio Thời Tiết NOAA và các kênh phổ biến thông tin khác của Cơ Quan Khí Tượng Quốc Gia (National Weather Service), internet, hệ thống cảnh giác riêng hiện có và kỹ thuật phổ biến thông tin mới.

Jurisdiction: A range or sphere of authority. Public agencies have jurisdiction at an incident related to their legal responsibilities and authority for incident mitigation. Jurisdictional authority at an incident can be political or geographical (e.g., city, county, state or federal boundary lines) or functional (e.g., police department, health department).

Jurisdiction (Khu vực pháp quyền): Một phạm vi thẩm quyền. Các cơ quan công cộng có thẩm quyền pháp lý đối với một vụ việc liên quan đến trách nhiệm pháp lý và thẩm quyền của họ trong việc giảm nhẹ vấn đề. Thẩm quyền pháp lý trong một vụ việc có thể liên quan đến chính trị hoặc địa lý (như ranh giới của thành phố, quận, tiểu bang hoặc liên bang) hoặc chức năng (như sở cảnh sát, ban sức khỏe).

Jurisdictional Agency: The agency having jurisdiction and responsibility for a specific geographical area, or a mandated function.

Jurisdictional Agency (Cơ quan tài phán): Cơ quan có thẩm quyền pháp lý và trách nhiệm đối với một khu vực địa lý cụ thể hoặc một chức năng được ủy quyền.

Law Enforcement Warning (LEW): A warning of a bomb explosion, riot, or other criminal event (e.g. a jailbreak). An authorized law enforcement agency may blockade roads, waterways, or facilities, evacuate or deny access to affected areas, and arrest violators or suspicious persons.

Law Enforcement Warning (LEW, Cảnh cáo của cơ quan công lực): Cảnh cáo về nổ bom, bạo động hoặc hoạt động tội phạm khác (như vượt ngục). Cơ quan công lực được ủy quyền có thể chặn đường bộ, đường thủy hoặc các cơ sở, di tản hoặc từ chối cho ra vào các khu vực bị ảnh hưởng và bắt giữ những người vi phạm hoặc nghi phạm.

Local Area Emergency (LAE): An emergency message that defines an event that, by itself, does not pose a significant threat to public safety and/or property. However, the event could escalate, contribute to other more serious events, or disrupt critical public safety services. Instructions, other than public protective actions, may be provided by authorized officials. Examples include a disruption in water, electric or natural gas service, or a potential terrorist threat where the public is asked to remain alert.

Local Area Emergency (LAE, Tình trạng khẩn cấp khu vực địa phương): Một thông báo khẩn cấp cho biết một vụ việc mà bản thân sự việc này không phải mối đe dọa đáng kể đối với an toàn công cộng và/hoặc tài sản. Tuy nhiên, vụ việc này có thể tăng cấp, góp phần gây ra các vụ việc khác nghiêm trọng hơn, hoặc làm gián đoạn các dịch vụ an toàn công cộng quan trọng. Các chỉ dẫn, ngoài các hành động bảo vệ công cộng, có thể được các viên chức có thẩm quyền cung cấp. Ví dụ bao gồm ngắt dịch vụ nước, điện hoặc khí đốt tự nhiên hoặc nguy cơ khủng bố có thể xảy ra và công chúng được yêu cầu giữ cảnh giác.

Local Government: Public entities responsible for the security and welfare of a designated area as established by law. A county, municipality, city, town, township, local public authority, special district, intrastate district, council of governments (regardless of whether the council of governments is incorporated as a nonprofit corporation under State law), regional or interstate government entity, or agency or instrumentality of a local government; an Indian tribe or authorized tribal entity, or in Alaska a Native village or Alaska Regional Native Corporation; a rural community, unincorporated town or village, or other public entity.

Local Government (Chánh quyền địa phương): Các tổ chức công cộng chịu trách nhiệm về an ninh và sự an sinh của một khu vực được chỉ định theo quy định của pháp luật. Quận, đô thị, thành phố, thị trấn, cơ quan công cộng địa phương, đặc khu, khu liên tiểu bang, hội đồng chánh phủ (bất kể hội đồng chánh phủ có được thành lập là tổ chức phi vụ lợi theo luật tiểu bang hay không), tổ chức chánh quyền khu vực hoặc liên tiểu bang, hoặc cơ quan hay công cụ của chánh quyền địa phương; một bộ lạc Da Đỏ hoặc tổ chức bộ lạc được ủy quyền, hoặc làng bản xứ ở Alaska hoặc Tổ Chức Người Bản Xứ Khu Vực Alaska; cộng đồng nông thôn, thị trấn hoặc làng chưa hợp nhất hoặc tổ chức công cộng khác.

Major Disaster: As defined under the Robert T. Stafford Disaster Relief and Emergency Assistance Act (42 U.S.C. 5122), a major disaster is any natural catastrophe (including any hurricane, tornado, storm, high water, wind-driven water, tidal wave, tsunami, earthquake, volcanic eruption, landslide, mudslide, snowstorm, or drought), or,

regardless of cause, any fire, flood, or explosion, in any part of the United States, which in the determination of the President causes damage of sufficient severity and magnitude to warrant major disaster assistance under this Act to supplement the efforts and available resources of States, tribes, local governments, and disaster relief organizations in alleviating the damage, loss, hardship, or suffering caused thereby.

Major Disaster (Thảm họa lớn): Như được định nghĩa trong Đạo Luật Hỗ Trợ Khẩn Cấp và Cứu Trợ Thảm Họa Robert T. Stafford (42 U.S.C. 5122), thảm họa lớn là bất kỳ thảm họa tự nhiên nào (bao gồm bão, lốc xoáy, giông tố, nước dâng cao, nước di chuyển do gió, sóng thủy triều, sóng thần, động đất, núi lửa phun trào, lở đất, lở bùn, bão tuyết hoặc hạn hán), hoặc, bất kể nguyên nhân, hỏa hoạn, lũ lụt hoặc vụ nổ nào ở bất kỳ khu vực nào của Hoa Kỳ mà tổng thống xác định là nguyên nhân cho thiệt hại nghiêm trọng và quy mô lớn, cần phải được hỗ trợ thảm họa lớn theo đạo luật này để hỗ trợ thêm cho các nỗ lực và tài nguyên hiện có của các tiểu bang, bộ lạc, chính quyền địa phương và các tổ chức cứu trợ thảm họa để giảm bớt thiệt hại, tổn thất, khó khăn hoặc đau thương do thảm họa.

Major Disaster Declaration (Federal): A declaration by the President of the United States based upon criteria and authority described in the Robert T. Stafford Disaster Relief and Emergency Assistance Act, as amended. The Presidential declaration of a major disaster is warranted when a hazard impact “causes damage of sufficient severity and magnitude to warrant Federal disaster assistance to supplement the efforts and available resources of States, local governments, and the disaster relief organizations in alleviating the damage, loss, hardship, or suffering.” Funding comes from the President’s Disaster Relief Fund, which is managed by FEMA, and the disaster aid programs of other participating Federal departments and agencies. A Presidential major disaster declaration triggers long-term Federal recovery programs, some of which are matched by State programs, and designed to help disaster victims, businesses, and public entities.

Major Disaster Declaration (Federal) (Tuyên bố thảm họa lớn, liên bang): Tuyên bố của Tổng Thống Hoa Kỳ dựa trên các tiêu chí và thẩm quyền mô tả trong Đạo Luật Hỗ Trợ Khẩn Cấp và Cứu Trợ Thảm Họa Robert T. Stafford, bản tu chính. Tổng thống tuyên bố có thảm họa lớn khi ảnh hưởng của hiểm họa “gây ra thiệt hại ở mức nghiêm trọng và quy mô đủ để liên bang hỗ trợ thảm họa, tiếp ứng cho các nỗ lực và tài nguyên sẵn có của chính quyền tiểu bang, địa phương và các tổ chức cứu trợ thảm họa, để giảm nhẹ thiệt hại, tổn thất, khó khăn hoặc đau khổ.” Nguồn ngân quỹ được cấp từ Quỹ Cứu Trợ Thảm Họa của Tổng thống, do FEMA quản lý và các chương trình hỗ trợ thảm họa của các cơ quan và phòng/ban khác có tham gia của liên bang. Tuyên bố thảm họa lớn của Tổng thống sẽ khởi sự cho các chương trình phục hồi dài hạn của liên bang, một số chương trình phù hợp với các chương trình của tiểu bang để giúp đỡ nạn nhân thảm họa, doanh nghiệp và tổ chức công cộng.

Memorandum of Understanding (MOU): An agreement document between two or more parties outlined in a formal document. It is not legally binding but signals the willingness of the parties to move forward with a contract laying out the guidelines under which each party will operate.

Memorandum of Understanding (MOU, Biên bản ghi nhớ): Một bản thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều bên được nêu trong một văn bản chính thức. Tài liệu này không ràng buộc về mặt pháp lý nhưng thể hiện nguyện vọng của các bên để lập ra một hợp đồng, quy định các hướng dẫn cho hoạt động của mỗi bên.

Mitigation: The capabilities necessary to reduce loss of life and property by lessening the impact of disasters.

Mitigation (Giảm nhẹ): Các năng lực cần thiết để giảm nhẹ thiệt hại về người và tài sản bằng cách giảm

ảnh hưởng của thảm họa.

Mutual-Aid Agreement: Written agreement between agencies and/or jurisdictions that they will assist one another upon request, by furnishing personnel, equipment, and/or expertise in a specified manner.

Mutual-Aid Agreement (Thỏa thuận tương trợ): Thỏa thuận bằng văn bản giữa các cơ quan và/hoặc khu vực pháp quyền rằng họ sẽ hỗ trợ lẫn nhau theo yêu cầu, bằng cách cung cấp nhân sự, thiết bị và/hoặc kiến thức chuyên môn theo cách thức cụ thể.

National Warning System (NAWAS): A communication system of the federal government which provides warning to the population of an attack or other national emergency. Reception is at local and state warning points.

National Warning System (NAWAS, Hệ thống cảnh cáo toàn quốc): Một hệ thống thông tin liên lạc của chính phủ liên bang, cảnh cáo cho dân chúng biết có một vụ tấn công hoặc tình trạng khẩn cấp quốc gia khác. Tiếp nhận tại các điểm cảnh cáo của địa phương và tiểu bang.

National Weather Services (NWS): Federal government agencies charged with weather related reporting and projections.

National Weather Services (NWS, Cơ quan khí tượng quốc gia): Các cơ quan chính phủ liên bang có trách nhiệm báo cáo và dự báo liên quan đến thời tiết.

NOAA Weather Radio: "The voice of the National Weather Service" - NOAA Weather Radio broadcasts National Weather Service warnings, watches, forecasts and other hazard information 24 hours a day. It is provided as a public service by NOAA. The NOAA Weather Radio network has more than 480 stations in the 50 states and near adjacent coastal waters, Puerto Rico, the U.S. Virgin Islands and U.S. Pacific Territories.

NOAA Weather Radio (Radio thời tiết NOAA): "Tiếng nói của Cơ Quan Khí Tượng Quốc Gia" – Radio Thời Tiết NOAA phát sóng các cảnh cáo, theo dõi, dự báo của Cơ Quan Khí Tượng Quốc Gia và các thông tin khác về hiểm họa, 24 giờ một ngày. Đây là dịch vụ công cộng do NOAA cung cấp. Mạng lưới Radio Thời Tiết NOAA có hơn 480 trạm ở 50 tiểu bang và gần các vùng duyên hải liền kề, Puerto Rico, Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ và các lãnh thổ của Hoa Kỳ trên Thái Bình Dương.

NOAA Radio's Specific Area Message Encoding (SAME): provides in a digital format specific, timely information on the nature and location of a threat to the safety of those most immediately at risk from severe weather or other hazards. Its greatest value is to significantly improve the automatic selection and distribution of messages about events that threaten people and/or property.

NOAA Radio's Specific Area Message Encoding (SAME, Hệ thống mã hóa thông báo khu vực cụ thể của đài radio NOAA): cho biết thông tin kịp thời, cụ thể ở dạng kỹ thuật số về tính chất và vị trí của mối nguy đến sự an toàn của những người có nguy cơ trực tiếp nhất do thời tiết khắc nghiệt hoặc các hiểm họa khác. Giá trị lớn nhất của hệ thống này là nâng cao đáng kể hiệu quả lựa chọn và phân phối tự động các thông báo về các vụ việc đe dọa con người và/hoặc tài sản.

Non-Weather Emergency Message (NWEM): NWEM refers to emergency messages for the public about hazardous events that are originated by government organizations other than the National Weather Service, but still utilize NWS alert dissemination services.

Non-Weather Emergency Message (NWEM, Thông báo khẩn cấp không liên quan đến thời tiết):

NWEM nói đến các thông báo khẩn cấp cho công chúng về các vụ việc nguy hiểm do các tổ chức chính phủ không phải Cơ Quan Khí Tượng Quốc Gia lập ra, nhưng vẫn sử dụng các dịch vụ phổ biến cảnh giác của NWS.

Operational Area: the county and its sub-divisions with responsibility to manage and/or coordinate information, resources, and priorities among local governments and serve as the link between the local government level and the regional level.

Operational Area (Khu vực hoạt động) quận và các phân khu của quận có trách nhiệm quản lý và/hoặc điều phối thông tin, tài nguyên và các ưu tiên giữa các chính quyền địa phương và là đầu mối liên kết giữa cấp chính quyền địa phương và cấp khu vực.

Planned Event: A scheduled nonemergency activity (e.g., sporting event, concert, parade, etc.).

Planned Event (Hoạt động theo chương trình): Một hoạt động không khẩn cấp theo lịch biểu (như sự kiện thể thao, buổi hòa nhạc, diễu hành, v.v...).

Point of Dispensing (POD): A designated area to distribute medications and vaccinations and provide risk communication and public information during a public health emergency. A Point of Dispensing may be a “closed” POD operated by a hospital to distribute medications to their patients and staff or an “open” POD used to distribute medications to the general public. A Point of Dispensing may also be a centralized location where the public obtains life-sustaining commodities following a disaster, including shelf stable food and water.

Point of Dispensing (POD, Điểm phân phát): Một khu vực được chỉ định để phân phối thuốc và tiêm chủng, đồng thời cung cấp thông tin liên lạc về rủi ro và thông tin cho công chúng trong hoàn cảnh khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng. Điểm phân phát có thể là POD “đóng” do bệnh viện điều hành để phân phối thuốc cho bệnh nhân và nhân viên của họ hoặc POD “mở” được sử dụng để phân phối thuốc cho công chúng. Điểm phân phát cũng có thể là một địa điểm tập trung cho công chúng lấy hàng hóa tiếp tục sống sau thảm họa, bao gồm cả thực phẩm và nước uống dùng được lâu.

Point of Distribution (POD): A designated area to distribute medications and vaccinations and provide risk communication and public information during a public health emergency. A Point of Distribution may also be a centralized location where the public obtains life- sustaining commodities following a disaster, including shelf stable food and water.

Point of Distribution (POD, Điểm phân phối): Một khu vực được chỉ định để phân phối thuốc và thuốc chủng, cũng như cho biết nguy cơ và thông tin cho công chúng trong hoàn cảnh khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng. Điểm phân phối cũng có thể là một nơi tập trung cho công chúng đến lấy hàng hóa để tiếp tục sống sau thảm họa, bao gồm cả nước và thực phẩm có thể dùng lâu.

Presidential Alert: A Presidential Alert is one of the three categories of Wireless Emergency Alert (WEA) messages that is reserved for use of the President of the United States in the event of a national emergency.

Presidential Alert (Cảnh giác của tổng thống): Cảnh giác của tổng thống là một trong ba loại Cảnh Giác Khẩn Cấp Không Dây (WEA) dành riêng cho Tổng thống Hoa Kỳ sử dụng trong tình trạng khẩn cấp quốc gia.

Public Information: Processes, procedures, and systems for communicating timely, accurate, accessible information on the incident's cause, size, and current situation; resources committed; and other matters of general interest to the public, responders, and additional stakeholders (both directly affected and indirectly affected).

Public Information (Thông tin cho công chúng): Các tiến trình, thể thức và hệ thống để truyền đạt thông tin kịp thời, chính xác, dễ xem về nguyên nhân, quy mô và tình hình hiện tại của sự việc; tài nguyên đã sử dụng; và các vấn đề khác được công chúng quan tâm, người ứng cứu và những người quan tâm khác (cả những người bị ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp).

Public Safety Power Shutoff (PSPS): A preventative measure of last resort if an electric utility reasonably believes that there is an imminent and significant risk that strong winds may topple power lines or cause major vegetation-related issues leading to increased risk of fire.

Public Safety Power Shutoff (PSPS, Cắt điện cho an toàn công cộng): Biện pháp phòng ngừa cuối cùng nếu một hãng điện lực có lý do hợp lý để tin rằng có nguy cơ tức thời và đáng kể là gió mạnh có thể làm đổ đường dây điện hoặc gây ra các vấn đề lớn liên quan đến thảm thực vật, làm tăng nguy cơ hỏa hoạn.

Situational Awareness: Is the ability to identify, process, and comprehend the essential information about an incident to inform the decision making process in a continuous and timely cycle and includes the ability to interpret and act upon this information.

Situational Awareness (Nhận thức tình trạng): Là khả năng nhận ra, biết và hiểu rõ thông tin cần thiết về một vấn đề để có thông tin lấy quyết định theo chu kỳ liên tục và kịp thời, bao gồm khả năng diễn giải và hành động theo thông tin này.

Shelter in place: Take immediate shelter where you are—at home, work, school, or wherever you can take protective cover. It may also mean "seal the room"; in other words, take steps to prevent outside air from coming in.

Shelter in Place (Trú ẩn tại chỗ): Trú ẩn ngay ở nơi quý vị đang ở—ở nhà, tại sở làm, trường học hoặc bất cứ nơi nào quý vị có thể che chắn bảo vệ. Đó cũng có thể là "bít kín căn phòng", nói cách khác, là áp dụng các bước để ngăn không khí bên ngoài lọt vào.

Severe Weather Potential Statement: This statement is designed to alert the public and state/local agencies to the potential for severe weather up to 24 hours in advance. It is issued by the local National Weather Service office. This could be used to make citizens aware of non-weather situation.

Severe Weather Potential Statement (Thông Báo thời tiết khắc nghiệt khã dĩ): Thông báo này được biên soạn để cảnh giác công chúng và các cơ quan tiểu bang/địa phương về nguy cơ xảy ra thời tiết khắc nghiệt trước tối đa 24 giờ. Thông báo này do Cơ Quan Khí Tượng Quốc Gia ở địa phương ban hành. Thông báo này có thể được sử dụng cho người dân biết được hoàn cảnh không liên quan đến thời tiết.

Severe Weather Statement: A National Weather Service product which provides follow up information on severe conditions which have occurred or are currently occurring. Could use a Statement for evacuation or shelter-in-place updates.

Severe Weather Statement (Thông báo thời tiết khắc nghiệt): Thông báo của Dịch Vụ Khí Tượng Quốc Gia, cho biết thông tin cập nhật về các điều kiện khắc nghiệt đã hoặc hiện đang xảy ra. Có thể sử dụng thông báo này để cập nhật thông tin về di tản hoặc trú ẩn tại chỗ.

Threat: Natural or manmade occurrence, individual, entity, or action that has or indicates the potential to harm life, information, operations, the environment, and/or property.

Threat (Mối nguy): Tình trạng tự nhiên hoặc do con người tạo ra, cá nhân, tổ chức hoặc hành động có hoặc cho thấy là có nguy cơ hại đến tánh mạng, thông tin, hoạt động, môi trường và/hoặc tài sản.

Warming Centers: - a short-term emergency shelter that operates when temperatures or a combination of precipitation, wind chill, wind and temperature become dangerously inclement.

Warming Centers (Trung tâm sưởi Ấm): - nơi trú ẩn trong hoàn cảnh khẩn cấp trong thời gian ngắn, hoạt động khi nhiệt độ hoặc sự kết hợp của lượng mưa, gió lạnh, gió và nhiệt độ trở nên khắc nghiệt đến mức nguy hiểm.

Warning: Communication intended to persuade members of the public to take one or more protective actions in order to reduce losses or harm.

Warning (Cảnh giác): Thông tin để thuyết phục công chúng thực hiện một hoặc nhiều hành động bảo vệ để giảm thiệt hại hoặc tổn hại.

Wildfire: A large, destructive fire that spreads quickly over woodland or brush.

Wildfire (Cháy rừng): Một đám cháy lớn có sức tàn phá lan nhanh trên rừng hoặc bụi rậm.

Wireless Emergency Alert (WEA): Wireless Emergency Alerts (WEA) were established pursuant to the Warning, Alert and Response Network (WARN) Act under Federal Communication Commission (FCC) rules. Alerting authorities can broadcast WEAs to cellular carrier customers with compatible mobile devices located in the geographic vicinity of cellular towers serving an affected area.

Wireless Emergency Alert (WEA, Cảnh giác khẩn cấp không dây): Cảnh Giác Khẩn Cấp Không Dây (WEA) được lập ra theo Đạo Luật Cảnh Báo, Cảnh Giác và Mạng Lưới Ứng Cứu (Warning, Alert and Response Network, hay WARN) theo quy định của Ủy Ban Truyền Thông Liên Bang (FCC). Cơ quan có thẩm quyền cảnh giác có thể phát WEA tới khách hàng sử dụng dịch vụ di động có các thiết bị di động tương thích trong khu vực địa lý gần các trạm di động, phục vụ khu vực bị ảnh hưởng.

Volcano: A mountain or hill having a crater or vent through which lava, rocks fragments, hot vapor, and gas are being or have been erupted from the earth's crust.

Volcano (Núi lửa): Ngọn núi hoặc ngọn đồi có miệng núi lửa hoặc lỗ phun dung nham, các mảnh đá, hơi nóng và khí đang hoặc đã phun trào từ lớp vỏ trái đất.